TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/ HNGĐ – ST
Ngày: 25/11/2019
V/v *" Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn , nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên
Ông Nguyễn Hoàng Minh
Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư - Cán bộ TAND huyện Thanh Bình.
Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Bình *tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 196/2019/ TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55A/2019/QĐXX- ST ngày 10 tháng 10 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐXX- ST ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Trương Kim L, sinh năm: 1983
2. *Bị đơn:* Bùi Văn C, sinh năm: 1971

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.
(Anh C vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2019, Bản khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải ngày 19/8/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trương Kim L trình bày: Chị L, anh C tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và

được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70 cấp ngày 19/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp vợ chồng chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm kinh tế gia đình, thường xuyên cự cải nhau dẫn đến ly thâm vào tháng 02/2016. Từ khi ly thân chị L, anh C có gặp nhau để hàn gắn tình cảm sống chung với nhau nhưng không đoàn tụ chung sống lại với nhau được. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh C vì tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ chung sống cùng nhau.

Đối với con chung: Chị L, anh C chung sống với nhau có 02 người con, họ và tên Bùi Trương Trọng H, sinh ngày 03/8/2005, Bùi Trương Bảo N, sinh ngày 06/3/2011. Hiện hai cháu đang chung sống với anh C, chị L thống nhất giao hai cháu Trọng H, Bảo N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị L thống nhất cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Cường vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L cư trú tại ấp T, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 Tóa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55A/2019/QĐXXST – HNGĐ, vụ án được xét xử vào lúc 8 giờ 00 ngày 28 tháng 10 năm 2019, anh C vắng mặt không lý do. Ngày 28 tháng 10 năm 2019 Tóa án ra quyết định hoãn phiên tòa số: 52 /2019/QĐXXST – HNGĐ, vụ án được xét xử vào lúc 10 giờ 00 ngày 25 tháng 11 năm 2019, anh C vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 28; Điều 171; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án " Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn," và xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn C là phù hợp.

[2] .Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Giữa chị L và anh C chung sống với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 70, cấp ngày 19/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong quá trình chung sống chị L, anh C phát sinh mâu thuẩn về việc làm kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cải sống không hạnh phúc và ly thân vào tháng 02/2016 cho đến nay và không thể hàn gắn được, chị L cương quyết ly hôn với anh C do tình cảm không còn. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai anh chị, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới mang lại hạnh phúc. Vì vậy cho thấy mâu thuẩn giữa chị L với anh C làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy *định " Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*". Cho nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh C là phù hợp.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị với anh C chung sống với nhau có 02 người con, họ và tên là Bùi Trương Trọng H, sinh ngày 03/8/2005, Bùi Trương Bảo N, sinh ngày 06/3/2011. Tại tòa chị L thống nhất giao hai cháu Trọng H, Bảo N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Hơn nữa cháu H, cháu N cũng có nguyện vọng sống chung với anh C, nên giao hai cháu H, N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp. Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L thống nhất cấp dưỡng cho hai cháu ½ mức lương cơ sở / tháng cho đến khi cháu Trọng H, Bảo N đến tuổi trưởng thàng (18 tuổi) Nên ghi nhận sự tự nguyện của chị L, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 25/11/2019.

Chị Loan có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Anh C trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản: Không có ; về nợ chung: không nợ ai, cũng không ai nợ lại, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Anh C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình

Chị L, anh C có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 171, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L giao cháu Bùi Trương Trọng H, sinh ngày 03/8/2005, Bùi Trương Bảo N, sinh ngày 06/3/2011 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, Chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu hai cháu với mức cấp dưỡng mỗi tháng là ½ mức lương cơ sở cho hai cháu tháng cho đến khi cháu H, cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng được tính 25/11/2019.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Anh C trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí dân sự (án phí cấp dưỡng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số: BH/2018- 0003814 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, còn phải nộp tiếp 300.000 đ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ hôm nay tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 ,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- Tòa án tỉnh ĐT
- VKS huyện TB
- THADS Huyện TB
- Đương sự
- Lưu Hồ sơ & Văn Phòng
- UBND xả Tân Bình

Nguyễn Thị Kim Trinh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- Tòa án tỉnh ĐT
- VKS huyện TB
- THADS Huyện TB
- Đương sự
- Lưu Hồ sơ & Văn Phòng
- UBND xả Tân Bình

Nguyễn Thị Kim Trinh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh

*** Nơi nhận**:
- Tòa án tỉnh ĐT
- VKS huyện TB
- THADS Huyện TB
- Đương sự
- Lưu HS/VP
- Luật sư
- UBND xã Tân Huề